TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pholy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 04, ấp C, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Đường điện Biên Phủ, Tổ 4, khóm 3, thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:* Tôi và anh Phạm Văn H tự tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

TT, huyện T, tỉnh An Giang ngày 20/6/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống khóm 3, thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình nên chúng tôi đã ly thân từ năm 2013 đến nay, không còn liên lạc. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, ly thân đã lâu nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H. Về con chung: Phạm Văn P, sinh ngày 10/01/2002 (đã trưởng thành). Tài sản chung; nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Văn H đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ thời gian theo quy định.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị C đối với ông Phạm Văn H. Về con chung: Phạm Văn P, sinh ngày 10/01/2002 (đã trưởng thành) không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có. Không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H vắng mặt. Nguyên đơn bà Trần Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn H có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Khóm 4, tổ 03, thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông H đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H. Nguyên đơn bà C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông H tự tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 20/6/2004 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà C, ông H phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2013 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Ban nhân dân khóm 3, thị trấn Tri Tôn xác định *"...Ông H có đăng ký hộ khẩu tại khóm 3, tuy nhiên từ lâu đã không thấy bà C về sinh sống cúng ông H, chỉ một mình ông H thỉnh thoảng có về nhà....."*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông H không đến cũng chứng minh rằng ông H không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị C đối với ông Phạm Văn H.

[4] Về con chung: Phạm Văn P, sinh ngày 10/01/2002 (đã trưởng thành) không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị C đối với ông Phạm Văn H. Bà Trần Thị C được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2004, ngày 20 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Phạm Văn P, sinh ngày 10/01/2002, đã trưởng thành và lao động được, không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008477 ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà C đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Thúy Liễu